



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Đầu tư số**

34121000019
1714445463

ngày 20 tháng 9 năm 2007
ngày 24 tháng 11 năm 2020

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh lần đầu vào ngày 24 tháng 11 năm 2020 bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 1714445463. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu và bản điều chỉnh lần lượt do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi cấp và có giá trị trong vòng 40 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đầu tiên.

Dự án Trung tâm thương mại, dịch vụ và cho thuê

3412100023

ngày 10 tháng 3 năm 2008

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3412100023 vào ngày 28 tháng 07 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu và bản điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cấp và có giá trị trong vòng 46 năm 6 tháng kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

4300338460

ngày 6 tháng 10 năm 2005

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4300338460 ngày 4 tháng 12 năm 2024. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Koo Liang Kwee
Bà Bùi Thị Nhựt
Ông Đinh Văn Thành
Ông Trần Nguyên Trung
Ông Văn Thảo Nguyên

Chủ tịch
Thành viên điều hành
Thành viên không điều hành
Thành viên không điều hành
Thành viên không điều hành

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Hòa
Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân
Bà Đỗ Thị Diễm Kiều

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Bùi Thị Nhựt
Ông Nguyễn Văn Hùng
Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Ông Võ Thanh Cường

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Nghĩa Lộ,
Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Tỉnh Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 8 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 6 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-04-00031-26-1



Triệu Tích Quyền

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2026

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		442.247.797.000	413.648.933.955
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		47.638.807.372	9.327.936.138
Tiền	111	9	47.638.807.372	9.327.936.138
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		44.082.575.342	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10	44.082.575.342	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		169.677.716.124	209.833.773.384
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	131.887.077.762	209.337.850.158
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	12	37.506.142.185	258.575.634
Phải thu ngắn hạn khác	135		284.496.177	237.347.592
Hàng tồn kho	140	13(a)	176.613.652.484	192.393.463.322
Hàng tồn kho	141		176.927.656.727	192.753.654.633
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(314.004.243)	(360.191.311)
Tài sản ngắn hạn khác	160		4.235.045.678	2.093.761.111
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		4.235.045.678	1.492.396.399
Thuế phải thu Nhà nước	163		-	601.364.712
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 270)	200		763.594.279.258	796.258.749.606
Tài sản cố định	220		621.740.872.916	644.492.386.255
Tài sản cố định hữu hình	221	14	621.711.373.045	644.446.795.545
Nguyên giá	222		2.024.833.474.105	2.014.533.224.105
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.403.122.101.060)	(1.370.086.428.560)
Tài sản cố định vô hình	227		29.499.871	45.590.710
Nguyên giá	228		519.545.034	519.545.034
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(490.045.163)	(473.954.324)
Tài sản dở dang dài hạn	250		22.142.491.660	28.958.114.788
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	15	22.142.491.660	28.958.114.788
Tài sản dài hạn khác	270		119.710.914.682	122.808.248.563
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	16	109.416.183.078	112.124.440.611
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		3.816.864.927	3.260.581.548
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273	13(b)	6.477.866.677	7.423.226.404
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		1.205.842.076.258	1.209.907.683.561

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

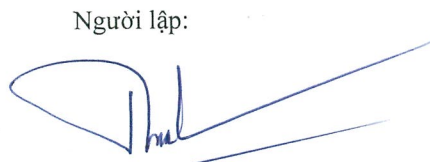
Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		350.512.461.202	345.241.989.319
Nợ ngắn hạn	310		350.512.461.202	345.241.989.319
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	20.289.595.347	66.700.462.577
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.805.992.767	1.802.100.000
Phải trả cổ tức	313	18	14.334.050.000	14.728.530.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	19	149.361.585.931	145.040.832.048
Phải trả người lao động	315		1.760.519.840	3.330.773.307
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	20	9.310.442.321	8.629.979.522
Phải trả ngắn hạn khác	320	21	2.699.836.030	3.625.728.790
Vay ngắn hạn	321	22	145.500.000.000	93.500.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	23	5.450.438.966	7.883.583.075
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	24	855.329.615.056	864.665.694.242
Vốn cổ phần	411	25	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	36.600.250.272	36.600.250.272
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		368.729.364.784	378.065.443.970
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		310.112.781.266	304.819.000.731
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ này/năm trước	420b		58.616.583.518	73.246.443.239
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.205.842.076.258	1.209.907.683.561

Ngày 13 tháng 8 năm 2026

Người duyệt:

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc kiêm Người đại diện theo Pháp luật

Người lập:

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng	01	29	858.919.817.767	825.207.427.041
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	298.470.232	166.818.960
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	29	858.621.347.535	825.040.608.081
Giá vốn hàng bán	11	30	764.757.913.353	782.348.078.458
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		93.863.434.182	42.692.529.623
Doanh thu hoạt động tài chính	22	31	1.126.491.251	669.886.344
Chi phí tài chính	23	32	2.256.453.951	2.274.384.029
Trong đó: Chi phí đi vay	24		2.106.996.163	2.259.040.499
Chi phí bán hàng	25	33	5.946.089.917	5.289.312.007
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	8.314.234.653	6.595.028.474
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - 23 - (25 + 26)}	30		78.473.146.912	29.203.691.457
Thu nhập khác	31		664.927.525	633.503.713
Chi phí khác	32		475.138.038	423.911.524
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		189.789.487	209.592.189
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		78.662.936.399	29.413.283.646
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	16.431.690.440	8.127.028.122
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	36	(556.283.379)	(172.925.205)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		62.787.529.338	21.459.180.729
Lãi trên cổ phiếu			(điều chỉnh lại)	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	1.303	395

Ngày 13 tháng 8 năm 2026



Người duyệt:

Người lập:

Bùi Thị Nhựt

Võ Thanh Cường

Giám đốc kiêm Người đại diện theo Pháp luật

Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	78.662.936.399	29.413.283.646
Điều chỉnh cho các khoản			-
Khấu hao và phân bổ	02	33.051.763.339	62.997.615.497
Các khoản dự phòng	03	2.747.027.463	882.147.840
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(22.302.952)	(17.521.817)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(805.570.425)	(22.236.734)
Chi phí đi vay	06	2.106.996.163	2.259.040.499
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	115.740.849.987	95.512.328.931
Biến động các khoản phải thu	09	77.124.824.137	142.027.995.586
Biến động hàng tồn kho	10	13.978.143.102	30.886.695.670
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(41.535.343.927)	(31.975.242.211)
Biến động chi phí trả trước	12	(1.492.100.554)	(608.627.861)
		163.816.372.745	235.843.150.115
Chi phí đi vay đã trả	14	(1.863.692.054)	(1.883.728.768)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(16.939.577.980)	(7.813.529.206)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	7.020.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.897.154.133)	(6.381.098.640)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	138.115.948.578	219.771.813.501
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(40.633.588.214)	(6.878.189.674)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(43.500.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	222.995.083	21.412.076
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(83.910.593.131)	(6.856.777.598)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND

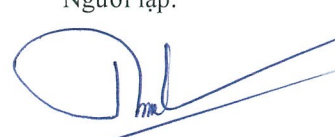
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	536.800.000.000	607.400.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(484.800.000.000)	(796.400.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(67.894.480.000)	(46.216.439.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15.894.480.000)	(235.216.439.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	38.310.875.447	(22.301.403.597)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.327.936.138	37.710.615.164
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61	(4.213)	(12.034.751)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	47.638.807.372	15.397.176.816

Ngày 13 tháng 8 năm 2026

Người duyệt:

 Bùi Thị Nhựt
 Giám đốc kiêm Người đại diện theo Pháp luật

Người lập:

 Võ Thanh Cường
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 28 tháng 2 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSQ.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; sản xuất kinh doanh đồ uống chứa cồn và kinh doanh kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 202 nhân viên (1/1/2026: 205 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính giữa niên độ.

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 4(c));
- Cổ tức phải trả (Thuyết minh 4(k)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất, ngoại trừ các khoản mục được đề cập tại Thuyết minh 3.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND, ngoại trừ (i) các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi, và (ii) các khoản tiền gửi không kỳ hạn, lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiền gửi không kỳ hạn có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản lãi phải thu liên quan. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, lãi phải thu phát sinh từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày cùng với khoản mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trên Báo cáo tình hình tài chính. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu này được trình bày trong mục phải thu khác (Thuyết minh 4(d)).

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Như trình bày tại Thuyết minh 4(c), trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, lãi phải thu phát sinh từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong khoản phải thu khác.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm
▪ tài sản khác	2 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 41 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được trình bày trong khoản mục phải trả cổ tức trên Báo cáo tình hình tài chính (Thuyết minh 4(k)). Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được trình bày trong khoản phải trả khác.

(k) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận tại thời điểm khi quyền nhận cổ tức của các cổ đông được xác lập và nghĩa vụ thanh toán cổ tức của Công ty trở nên vô điều kiện.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Chi phí sản phẩm và kinh doanh

Chi phí sản xuất, kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ phát sinh. Trường hợp chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, thì các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ công tác xã hội cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

5. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia. Các hoạt động khác bao gồm kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Ban Quản lý cho rằng các mảng kinh doanh này không chịu ảnh hưởng đáng kể của biến động theo mùa.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có thay đổi đáng kể nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính được lập trong báo cáo tài chính thường niên gần đây nhất hoặc các ước tính được lập trong cùng kỳ giữa niên độ của năm trước.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi đáng kể nào trong thành phần của Công ty kể từ khi kết thúc kỳ kế toán thường niên gần nhất ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tạm thời của Công ty trong giai đoạn sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong kỳ, không diễn ra hoạt động kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025 đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

9. Tiền

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tiền mặt	51.547.766	196.944.581
Tiền gửi ngân hàng (*)	47.587.259.606	9.130.991.557
	47.638.807.372	9.327.936.138

(*) Chi tiết các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tên ngân hàng		
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn	44.095.046.857	1.321.244.064
Ngân hàng Bangkok Đại chúng Trách nhiệm Hữu hạn - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	629.983.475	489.970.135
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng	-	3.692.518.755
Các ngân hàng khác	2.862.229.274	3.627.258.603
	47.587.259.606	9.130.991.557

10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc trên ba tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 8% (1/1/2026: Không) một năm.

Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tên ngân hàng		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	44.082.575.342	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	116.118.036.302	-	195.865.200.224	-
International Consolidated Business Pty Ltd	14.420.787.322	-	12.130.386.207	-
Các khách hàng khác	1.348.254.138	-	1.342.263.727	-
	131.887.077.762	-	209.337.850.158	-

Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	116.118.036.302	195.865.200.224
Các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	114.625.390	58.839.134
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	67.716.000	-

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 3 đến 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

12. Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư TONA	35.970.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.536.142.185	258.575.634
	37.506.142.185	258.575.634

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 36.598 triệu VND tiền trả trước để mua tài sản cố định (1/1/2026: 253 triệu VND)

Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
<i>Công ty liên quan</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sa Be Co	511.587.160	-

13. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Nguyên vật liệu	71.367.591.204	-	113.412.978.654
Công cụ và dụng cụ	7.233.468.787	(314.004.243)	8.279.521.683
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.930.874.242	-	26.522.351.144
Sản phẩm	70.394.353.405	-	44.388.345.652
Hàng hóa	1.369.089	-	150.457.500
	176.927.656.727	(314.004.243)	192.753.654.633

Chi phí nguyên vật liệu và vật tư tiêu hao được phân bổ vào chi phí sản xuất của sản phẩm theo các tiêu thức phân bổ phù hợp với bản chất hoạt động của doanh nghiệp (bao gồm nhưng không giới hạn ở sản lượng sản xuất, số giờ lao động trực tiếp, v.v.), bảo đảm việc xác định giá thành sản phẩm một cách hợp lý và nhất quán qua các kỳ báo cáo.

Trong kỳ, Công ty đã đánh giá và xác định một số mặt hàng tồn kho có dấu hiệu chậm luân chuyển, từ đó thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định hiện hành và các chính sách nội bộ có liên quan.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	360.191.311	348.765.526
Dự phòng trích lập trong kỳ	740.165.623	50.506.048
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(786.352.691)	(36.605.212)
Số dư cuối kỳ	314.004.243	362.666.362

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	25.270.490.022	(18.792.623.345)	23.422.635.218	(15.999.408.814)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có 18.793 triệu VND (1/1/2026: 15.999 triệu VND) là phụ tùng thay thế chậm luân chuyển.

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	15.999.408.814	12.822.672.389
Dự phòng trích lập trong kỳ	2.793.214.531	918.753.052
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(50.506.048)
Số dư cuối kỳ	18.792.623.345	13.690.919.393

14. Tài sản cố định hữu hình						
Nguyên giá						
	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	338.562.504.688	1.665.935.331.312	8.291.761.502	1.198.726.550	544.900.053	2.014.533.224.105
Tăng trong kỳ	-	40.250.000	-	-	-	40.250.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	10.260.000.000	-	-	-	10.260.000.000
Số dư cuối kỳ	338.562.504.688	1.676.235.581.312	8.291.761.502	1.198.726.550	544.900.053	2.024.833.474.105
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	168.832.953.409	1.191.698.323.519	7.842.456.067	1.198.726.550	513.969.015	1.370.086.428.560
Khấu hao trong kỳ	6.854.097.768	26.082.725.929	83.383.284	-	15.465.519	33.035.672.500
Số dư cuối kỳ	175.687.051.177	1.217.781.049.448	7.925.839.351	1.198.726.550	529.434.534	1.403.122.101.060
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	169.729.551.279	474.237.007.793	449.305.435	-	30.931.038	644.446.795.545
Số dư cuối kỳ	162.875.453.511	458.454.531.864	365.922.151	-	15.465.519	621.711.373.045

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản cố nguyên giá 936.812 triệu VND (1/1/2026: 935.934 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Các tài sản cố định hữu hình trọng yếu đang được đưa vào sử dụng (theo giá trị còn lại):

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Hệ thống Tank lên men 5.120 hL	88.455.327.098	92.506.716.122
Dây chuyền đóng lon bia công suất 60.000 lon/giờ	69.679.758.195	73.587.034.353
Khác	463.576.287.752	478.353.045.070
	621.711.373.045	644.446.795.545

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	28.958.114.788	14.435.516.699
Tăng trong kỳ	1.986.668.064	2.059.969.129
Chuyển từ chi phí chờ phân bổ dài hạn	1.457.708.808	2.033.882.214
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.260.000.000)	(1.896.000.000)
Số dư cuối kỳ	22.142.491.660	16.633.368.042

Công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Dự án Nguyễn Thụy - nhà cửa, vật kiến trúc	22.142.491.660	19.734.714.188
Malt-Barley Silos	-	9.223.400.600
	22.142.491.660	28.958.114.788

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	109.328.160.482	2.796.280.129	112.124.440.611
Tăng trong kỳ	-	258.000.000	258.000.000
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(1.457.708.808)	-	(1.457.708.808)
Phân bổ trong kỳ	-	(1.508.548.725)	(1.508.548.725)
Số dư cuối kỳ	107.870.451.674	1.545.731.404	109.416.183.078

17. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	10.513.330.367	32.811.054.041
Công ty Cổ phần Hanacans	1.406.046.056	7.926.130.824
Công ty TNHH Bao bì nước giải khát Crown Đà Nẵng	1.055.265.765	4.472.339.292
Công Ty TNHH Thương Mại Và Vận Tải Thái Tân	1.050.840.941	6.936.219.885
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	-	2.305.850.150
Các nhà cung cấp khác	6.264.112.218	12.248.868.385
	20.289.595.347	66.700.462.577

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có	
	khả năng trả nợ	
	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	10.513.330.367	32.811.054.041
Các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	36.447	-
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	-	2.305.850.150
Công ty TNHH MTV Cơ khí Sa Be Co	-	558.730.344

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

18. Phải trả cổ tức

	Thời hạn thanh toán	30/6/2026	1/1/2026
		VND	VND
			(Reclassified)
Cổ tức trả bằng tiền	2026	1.434.900.000	-
Cổ tức trả bằng tiền (*)	Trước 2026	12.899.150.000	14.728.530.000
		14.334.050.000	14.728.530.000

(*) Tại ngày lập báo cáo, các khoản cổ tức phải trả này là các khoản cổ tức đã được công bố nhưng chưa được thanh toán, chủ yếu do một số cổ đông thiểu số vẫn chưa đến nhận.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

19. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số cần trừ trong kỳ VND	30/6/2026 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	116.278.257.682	736.860.090.609	(730.583.201.411)	-	122.555.146.880
Thuế giá trị gia tăng	20.122.121.087	155.656.952.314	(105.632.967.103)	(52.431.048.528)	17.715.057.770
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.640.184.296	16.431.690.440	(16.939.577.980)	-	8.132.296.756
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.431.623.829	(871.174.592)	(601.364.712)	959.084.525
Thuế nhập khẩu	-	19.958.436	(19.958.436)	-	-
Các loại thuế khác	268.983	4.565.413	(4.834.396)	-	-
	145.040.832.048	911.404.881.041	(854.051.713.918)	(53.032.413.240)	149.361.585.931

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí đi vay	8.686.499.614	8.443.195.505
Chi phí khác	623.942.707	186.784.017
	9.310.442.321	8.629.979.522

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Quỹ công tác xã hội	1.782.260.554	2.369.828.670
Phải trả khác	917.575.476	1.255.900.120
	2.699.836.030	3.625.728.790

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

22. Vay ngắn hạn

	Biến động trong kỳ	
	1/1/2026 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	30/6/2026 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
	Tăng VND	Giảm VND
Vay ngắn hạn	93.500.000.000	536.800.000.000 (484.800.000.000)
		145.500.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	VND	6,35%	78.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	7,7%	67.500.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	3,7%	-	93.500.000.000
			145.500.000.000	93.500.000.000

Các khoản vay này không có tài sản bảo đảm tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.883.583.075	7.390.916.522
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 24)	3.880.795.320	3.191.892.648
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	583.214.704	518.170.561
Tiền thu khác	-	7.020.000
Sử dụng trong kỳ	(6.897.154.133)	(6.381.098.640)
Số dư cuối kỳ	5.450.438.966	4.726.901.091

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	450.000.000.000	36.600.250.272	350.337.171.292	836.937.421.564
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	21.459.180.729	21.459.180.729
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	(3.191.892.648)	(3.191.892.648)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 (Thuyết minh 23)	-	-	(518.170.561)	(518.170.561)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(265.680.000)	(265.680.000)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	450.000.000.000	36.600.250.272	322.820.608.812	809.420.859.084
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	58.702.407.806	58.702.407.806
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	(3.191.892.648)	(3.191.892.648)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(265.680.000)	(265.680.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	450.000.000.000	36.600.250.272	378.065.443.970	864.665.694.242
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	62.787.529.338	62.787.529.338
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	(3.880.795.320)	(3.880.795.320)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 (Thuyết minh 23)	-	-	(583.214.704)	(583.214.704)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(290.150.500)	(290.150.500)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội năm 2025	-	-	130.552.000	130.552.000
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(67.500.000.000)	(67.500.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	450.000.000.000	36.600.250.272	368.729.364.784	855.329.615.056

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2026 và 1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

26. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty ngày 10 tháng 4 năm 2026, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức cho các cổ đông là 67.500 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025, (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 67.500 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) trong đó tạm ứng cổ tức 22.500 triệu VND cho cổ đông năm 2024).

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trong vòng một năm	3.408.321.286	3.324.543.639
Từ hai đến năm năm	13.633.285.144	13.633.285.135
Trên năm năm	56.998.337.342	58.688.491.144
	74.039.943.772	75.646.319.918

Tài sản được thuê theo hợp đồng thuê hoạt động gồm có:

	Số lượng	Thời hạn thuê	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Thuê đất	1	41 năm	74.039.943.772	75.646.319.918

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong báo cáo tình hình tài chính:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	17.358.814.815	154.364.372.868
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	86.747.551.852	2.281.317.919

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa, sản phẩm	851.907.688.217	817.920.147.026
▪ Bán phế liệu	7.012.129.550	7.287.280.015
	858.919.817.767	825.207.427.041
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	294.354.280	166.818.960
▪ Hàng bán bị trả lại	4.115.952	-
Doanh thu thuần	858.621.347.535	825.040.608.081

30. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
▪ Hàng hóa, sản phẩm đã bán	762.010.885.890	781.465.930.618
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	2.747.027.463	882.147.840
	764.757.913.353	782.348.078.458

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi	805.570.425	22.236.734
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	298.617.874	630.127.793
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	22.302.952	17.521.817
	1.126.491.251	669.886.344

32. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí đi vay	2.106.996.163	2.259.040.499
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	149.457.788	15.343.530
	2.256.453.951	2.274.384.029

33. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.419.579.518	3.226.287.015
Chi phí nhân viên	1.930.320.500	1.677.507.094
Vật liệu và dụng cụ	153.351.606	153.315.619
Chi phí bán hàng khác	442.838.293	232.202.279
	5.946.089.917	5.289.312.007

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.972.555.110	4.022.205.525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.288.778.428	979.762.695
Chi phí khấu hao và phân bổ	352.889.694	387.956.263
Chi phí dụng cụ, thiết bị văn phòng	279.112.913	288.308.187
Thuế, phí và lệ phí	15.571.056	23.454.389
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.405.327.452	893.341.415
	8.314.234.653	6.595.028.474

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	730.285.127.000	680.388.064.842
Chi phí khấu hao và phân bổ	33.051.763.339	62.997.615.497
Chi phí nhân viên	29.550.163.862	27.289.420.957
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.905.727.385	8.929.451.294
Chi phí khác	3.490.898.777	3.161.018.464

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	16.431.690.440	8.122.753.787
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	4.274.335
	16.431.690.440	8.127.028.122
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(556.283.379)	(172.925.205)
	15.875.407.061	7.954.102.917

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	78.662.936.399	29.413.283.646
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	15.732.587.280	5.882.656.729
Chi phí không được khấu trừ thuế	142.819.781	2.067.171.853
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	4.274.335
	15.875.407.061	7.954.102.917

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cho Nhà nước với mức thuế suất là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ công tác xã hội và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2025
	VND	VND
		(Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	62.787.529.338	21.459.180.729
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(3.880.795.320)	(3.191.892.648)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	(291.607.352)
Trích quỹ công tác xã hội (*)	(290.150.500)	(265.680.000)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội (**)	-	65.276.000
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	58.616.583.518	17.775.276.729

(*) Số trích vào trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ công tác xã hội cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(**) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ công tác xã hội cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được điều chỉnh lại dựa trên số trích thực tế theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	30/6/2026	30/6/2025	30/6/2025
	VND	VND	VND
		(Điều chỉnh lại)	(Báo cáo năm trước)
		(*)	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.303	395	400

(*) Việc trình bày lại này phản ánh ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ công tác xã hội như đã đề cập ở trên.

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán sản phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.547.451.822.360	1.522.999.268.500
Doanh thu khác	150.868.144	745.961.610
Mua nguyên vật liệu	602.053.357.213	564.073.621.036
Cổ tức đã trả	44.925.000.000	29.950.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Cổ tức đã trả	1.750.000.500	1.166.667.000
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co		
Mua hàng hóa	1.442.958.000	85.157.000
Mua dịch vụ	50.230.000	-
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa		
Mua tài sản cố định và hàng hóa	1.036.599.400	3.078.000.000
Mua khác	91.178	2.832.989

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Mua hàng hóa	644.457.230	804.885.350
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Cho thuê Pallet	314.948.320	64.089.153
Chi phí sử dụng vỏ chai	526.987	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam		
Bán sản phẩm	304.800.000	313.850.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	187.956.000	153.824.000
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	135.905.960	133.527.777
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	67.429.470	352.910.150
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Koo Liang Kwee – Chủ tịch	65.000.100	60.000.000
Bà Bùi Thị Nhựt – Thành viên	45.499.998	42.000.000
Ông Đinh Văn Thành – Thành viên	45.499.998	42.000.000
Ông Trần Nguyên Trung – Thành viên	45.499.998	42.000.000
Ông Văn Thảo Nguyên – Thành viên	45.499.998	42.000.000
Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Văn Hòa – Trưởng ban	45.799.998	36.000.000
Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân – Thành viên	25.850.001	70.739.309
Bà Đỗ Thị Diễm Kiều – Thành viên	25.850.001	24.000.000
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	3.094.914.060	2.372.274.899

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	44.275.000	2.305.850.150

40. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Công ty đã áp dụng Thông tư 99 và một số chỉ tiêu thông tin so sánh đã được phân loại lại nhằm phù hợp với các yêu cầu về trình bày của Thông tư 99 cho kỳ kế toán hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo tình hình tài chính

	Mã số	1/1/2026	1/1/2026
		(đã phân loại lại)	(theo báo cáo trước đây)
		VND	VND
Phải trả cổ tức	313	14.728.530.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	3.625.728.790	18.354.258.790

Ngày 13 tháng 8 năm 2026



Người duyệt:

Bùi Thị Nhựt

Giám đốc kiêm Người đại diện theo Pháp luật

Người lập:

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng